

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3-5
Báo cáo Kiểm toán độc lập	6-7
Báo cáo Tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	8-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	12-33

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH

Địa chỉ: 440 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Bình Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May Bình Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty May Bình Minh (doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam) theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 18/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 056676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/1999. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thay đổi 17 lần Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất ngày 08/06/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 52.920.000.000 VND, tương đương 5.292.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 440 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và có các chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần May Bình Minh KCN Dệt may Bình An, xã Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Xí nghiệp May Minh Hà Thôn Dền, Xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần May Bình Minh tại Hải Phòng - Xí nghiệp May Minh Hải Thôn 3, xã Cỏ Am, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- Xí nghiệp May Minh Quân 37 đường Hiệp Bình, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần May Bình Minh – Aeon Canary Bình Dương Số 1, đại lộ Bình Dương, Khu phố Bình Giao' Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần May Bình Minh – Gendai Aeon Mall 27 Đường Cổ Linh, P Long Biên, Quận Long Biên, Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Mạc Thuấn	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Thành viên HĐQT
Ông Võ Quốc Hào	Thành viên HĐQT
Ông Tu Yen Hsien Jimmy	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Quốc Hào	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Ngộ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Thanh Lâm	Giám đốc thị trường
Ông Vũ Đình Nghĩa	Giám đốc sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH

Địa chỉ: 440 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Thân

Trưởng ban kiểm soát

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Thành viên

Bà Hồ Đặng Ngọc Diễm

Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần May Bình Minh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Công ty được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận được kiểm toán cho các đơn vị niêm yết, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam theo Quyết định số 1066/QĐ-UBCK ngày 30/12/2019.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH

Địa chỉ: 440 Ng Trại Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Võ Quốc Hào



Số : 202/BCKT/TC/NV5

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May Bình Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần May Bình Minh được lập ngày 21/02/2020 từ trang 08 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Bình Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGÔ QUANG TIẾN

Phó Tổng Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0448-2018-126-1*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM
ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Đỗ Thị Duyên

Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 3642-2016-126-1*

386
IG
PH
MA
H N
H - T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		144.556.087.903	147.407.362.685
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	41.738.963.489	22.810.042.773
1. Tiền	111		41.738.963.489	9.497.471.250
2. Các khoản tương đương tiền	112			13.312.571.523
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.930.750.000	8.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	13.930.750.000	8.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.235.278.221	45.100.648.830
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	42.066.353.327	42.854.953.833
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	457.459.094	713.636.421
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.711.465.800	1.532.058.576
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	40.759.719.715	65.616.426.850
1. Hàng tồn kho	141		40.759.719.715	65.616.426.850
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.891.376.478	5.580.244.232
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	675.506.758	874.480.936
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.215.869.720	4.705.763.296
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.279.191.924	37.538.354.656
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		915.138.800	957.332.285
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.08	915.138.800	957.332.285
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		24.068.352.639	24.851.006.163
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	12.677.734.230	13.091.060.214
- Nguyên giá	222		87.359.364.622	84.572.423.213
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(74.681.630.392)	(71.481.362.999)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.390.618.409	11.759.945.949
- Nguyên giá	228		17.777.070.340	17.777.070.340
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(6.386.451.931)	(6.017.124.391)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	700.000.000	700.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.595.700.485	11.030.016.202
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	7.595.700.485	11.030.016.202
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		177.835.279.827	184.945.717.335

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		87.733.927.753	100.994.830.205
I. Nợ ngắn hạn	310		87.320.427.753	100.641.830.205
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	26.923.189.594	33.961.484.007
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.350.354.396	1.550.198.758
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.367.689.100	2.756.083.227
4. Phải trả người lao động	314		36.331.912.567	41.029.235.212
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.619.100.078	2.592.401.541
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	15.159.246.881	16.201.912.150
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.568.935.137	2.550.515.310
II. Nợ dài hạn	330		413.500.000	353.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	413.500.000	353.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.101.352.074	83.950.887.130
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	90.101.352.074	83.950.887.130
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.920.000.000	52.920.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.182.615.319	22.579.970.325
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		12.998.736.755	8.450.916.805
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		177.835.279.827	184.945.717.335

Người lập biểu

Trần Thị Đoàn

Trần Thị Đoàn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Nhung

Nguyễn Thị Thu Nhung

Tổng Giám đốc

Võ Quốc Hào

Võ Quốc Hào



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	436.581.023.709	447.978.113.796
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			17.452.768
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		436.581.023.709	447.960.661.028
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	370.527.528.956	381.814.956.837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.053.494.753	66.145.704.191
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.414.893.700	1.829.031.303
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	266.127.311	129.769.202
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			20.959.059
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	7.552.420.008	9.080.445.804
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	39.836.109.259	37.550.998.503
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.813.731.875	21.213.521.985
11. Thu nhập khác	31	VI.5	445.557.564	343.312.725
12. Chi phí khác	32	VI.6	552.016	1.398.007.666
13. Lợi nhuận khác	40		445.005.548	(1.054.694.941)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.258.737.423	20.158.827.044
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.232.287.485	4.031.765.410
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		16.026.449.938	16.127.061.634
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19.5	2.726	3.113
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.19.5	2.726	3.113

Người lập biểu

Trần Thị Đoàn

Trần Thị Đoàn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Nhung

Nguyễn Thị Thu Nhung

Tổng Giám đốc

Võ Quốc Hào



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.258.737.423	20.158.827.044
2. Điều chỉnh cho các khoản		2.954.497.635	3.691.693.892
+ Khấu hao tài sản cố định	02	4.545.991.297	4.683.606.363
+ Các khoản dự phòng	03	-	(139.317.667)
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	34.823.298	(154.431.687)
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.626.316.960)	(719.122.176)
+ Chi phí lãi vay	06	-	20.959.059
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.213.235.058	23.850.520.936
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.717.925.512	(2.825.521.799)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	24.856.707.135	(15.345.636.443)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(15.131.360.510)	7.395.456.551
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	3.633.289.895	(1.140.375.583)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(20.959.059)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.652.509.819)	(3.901.583.400)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.637.287.271	8.011.901.203
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.763.337.773)	(2.259.086.138)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	442.727.273	249.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.930.750.000)	(8.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		13.300.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.183.589.687	415.937.437
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.767.770.813)	(9.894.057.792)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	(5.221.479.078)
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(5.221.479.078)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.938.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.938.000.000)	(5.221.479.078)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	18.931.516.458	(7.103.635.667)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.810.042.773	29.759.246.753
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.595.742)	154.431.687
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	41.738.963.489	22.810.042.773

Người lập biểu

Trần Thị Đoan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Nhung

Tổng Giám đốc

Võ Quốc Hào



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020